TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **85**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19/7/2022
Về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- TH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Bà H1 Thị Kim Thu

- Thư ký ghi biên bản: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất: không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 142/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc **"**Tranh chấp về ly hôn và nuôi con**"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1977 (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Ngọc H1, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Các đương sự cùng địa chỉ: Ấp Mỹ Thái, xã MT, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn xin ly hôn, anh Nguyễn Đức H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H1 quen biết, tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2016, hai bên có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thái, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị sinh được 01 người con chung tên Nguyễn Nguyên Nguyễn, sinh ngày 01/10/2016.

Về mâu thuẫn gia đình: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do cô H1 thường xuyên cờ bạc, gây ra nợ nần. Từ đó gia đình luôn xảy ra cự cãi, bất

hòa, không có hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên hai bên đã quyết định sống ly thân 04 năm nay, không quan tâm đến nhau.

Nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị H1.

Về con chung: Anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Lê Thị Ngọc H1:* Các văn bản tố tụng của Tòa án đã được niêm yết tại địa phương theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Phía chị H1 cũng đã được thông báo về việc tham gia tố tụng nhưng chị H1 không có mặt theo các Thông báo của Tòa án và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về nội dung yêu cầu xin ly hôn của anh H nên không có lời khai của chị H1 tại Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về *quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Anh Nguyễn Đức H khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc H1. Phía bị đơn cư trú tại ấp Mỹ Thái, xã Mỹ Thái, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Lê Thị Ngọc H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến H1nh xét xử vắng mặt chị H1.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức H và chị Lê Thị Ngọc H1 kết hôn là do tự nguyện yêu thương và đi đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thái, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/10/2016 là đúng quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Do đó, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, dẫn đến việc hai bên sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy: Anh H và chị H1 hiện tại đang sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau trong suốt thời gian dài từ đầu năm 2018. Trong thời gian thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời các bên tham gia phiên hòa giải nhưng chị H1 không đến tham dự, chứng tỏ chị H1 cũng không có thiện chí muốn hòa giải với anh H nên khả năng đoàn tụ gia đình giữa anh

chị không có. Như vậy, HĐXX có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H.

[4]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Nguyên Nguyễn, sinh ngày 01/10/2016. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay, cháu Nguyễn do anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, nay đã có cuộc sống ổn định. Mặt khác, phía bị đơn cũng không có ý kiến hay yêu cầu muốn được nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo cho cháu Nguyễn không bị xáo trộn về môi trường sống và xét về quyền lợi mọi mặt của cháu, HĐXX chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của anh H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H xác định không có tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của anh Nguyễn Đức H.

[6]. *Về án phí:* Anh H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 227, 228 266 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Đức H được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc H1.

2. Về con chung: Giao cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Nguyên Nguyễn, sinh ngày 01/10/2016 đến khi con đủ 18 tuổi.

Trong thời gian anh H nuôi dưỡng con chung, chị H1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha (mẹ) các cháu hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H xác định không có tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi H1nh án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu số 0007797 ngày 06 tháng 4 năm 2022. Anh H không phải nộp thêm.

Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Lê Thị Ngọc H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi H1nh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi H1nh án dân sự thì người được thi H1nh án dân sự, người phải thi H1nh án dân sự có quyền thỏa thuận thi H1nh án, quyền yêu cầu thi H1nh án, tự nguyện thi H1nh án hoặc bị cưỡng chế thi H1nh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi H1nh án dân sự; thời hiệu thi H1nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi H1nh án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Mỹ Thái;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc